TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/HS-ST
Ngày 05-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn

Bà Hoàng Thị Lê Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 20210 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2000 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: 171/38A N, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn D; Mẹ: Đào Như T; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 05-01-2021 theo Quyết định truy nã số 12/QĐTN ngày 16-11-2019 của Công an thành phố Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2001; địa chỉ: 462/2D T, Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Chị Đoàn Thị Ngọc P, sinh năm 2000; địa chỉ: F7 B, Phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lê Đình C, sinh năm 1976; địa chỉ: 264 N, Phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14-5-2019, Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Ngọc H đến nhà chị Đoàn Thị Ngọc P chơi và ngủ lại đây. Trong lúc chị H và chị P đang ngủ, T đã có hành vi chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus của chị Nguyễn Ngọc H và chiếc điện thoại di động Iphone 7Plus của chị Đoàn Thị Ngọc P. Sau đó, T mang chiếc điện thoại di động của chị P giấu vào máy giặt ở nhà chị P, còn chiếc điện thoại di động của chị H thì mang đến cửa hàng điện thoại di động Lê Chinh, bán cho anh Lê Đình C với giá 2.500.000 đồng. Sau khi bán được điện thoại di động của chị H, T mang số tiền trên về giấu vào kẹt toilet nhà chị P. Khi chị P và chị H thức dậy, phát hiện bị mất điện thoại di động, nên đã trình báo Công an Phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu.

Công an Phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu đã mời Nguyễn Thị Thu T về làm việc. Tại Cơ quan công an, Trâm đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. (BLĐT từ số 51 đến 62)

Theo kết luận định giá tài sản số 92/KL-HĐĐG-TTHS ngày 17-6-2019 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố Vũng Tàu thì xác định giá trị của chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus là 1.800.000 đồng và chiếc điện thoại di động Iphone 7Plus có giá trị là 2.500.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Thị Thu T đã chiếm đoạt của các bị hại là 4.300.000đ (bốn triệu ba trăm nghìn đồng);

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thu T được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng sau đó T đã bỏ trốn. Đến ngày 16-11-2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vũng Tàu đã ra quyết định truy nã đối với Nguyễn Thị Thu T. Ngày 05-01-2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vũng Tàu phối hợp với Công an Phường Tân Phú, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ Nguyễn Thị Thu T.

Việc thu giữ và xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bản Cáo trạng số 87/CT-VKSTPVT ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không

yêu cầu nên không xem xét; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết quả định giá tài sản, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa: bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 14-5-2019, Nguyễn Thị Thu T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus của chị Nguyễn Ngọc H và 01 điện thoại di động Iphone 7Plus của chị Đoàn Thị Ngọc P. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.300.000đ (bốn triệu ba trăm ngàn đồng).

Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Lê Đình C, khi mua điện thoại của Trâm không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người đã trưởng thành,

biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân, trong quá trình điều tra bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú lại không có mặt khi Cơ quan điều tra triệu tập và bị bắt theo quyết định truy nã nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo cho tốt, làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mua điện thoại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: Không.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Nguyễn Thị Thu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Nguyễn Thị Thu T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 05 tháng 01 năm 2021.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày

kể từ ngày tuyên án (đối với người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bán án được niêm yết công khai) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Bị cáo và các đương sự khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hồng Lợi